

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Võ Thanh Hải\*, Lê Thị Thu Hương\*\*, Nguyễn Thanh Tuấn\*\*\*

## ABSTRACT

*In order to achieve the highest efficiency in scientific research and international cooperation, to maximize its important role, it is first necessary to find solutions to overcome the limitations of this work in Vietnam universities today. On the basis of the role of scientific research, international cooperation and causes of limitations, the author proposes solutions to develop scientific research; solutions to develop international cooperation at universities.*

**Keywords:** *Scientific research, international cooperation, solutions, efficiency, limitations*

*Ngày nhận bài: 25/5/2021; Ngày phản biện: 3/6/2021; Ngày duyệt đăng: 9/6/2021*

## 1. Mở đầu

Phát triển công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng và gần như mang tính bắt buộc đối với tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong xu thế lao động trí tuệ và khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ, thay thế lao động thủ công một cách nhanh chóng, bên cạnh đó là xu thế mở cửa - hội nhập trên phạm vi toàn thế giới thì những thành quả của NCKH và hợp tác quốc tế càng trở nên quan trọng và quyết định hơn bao giờ hết đối với sự phát triển mọi mặt của đất nước nói chung, cũng như đối với các trường đại học (TĐH) nói riêng. Để đáp ứng yêu cầu của xã hội các TĐH cần tập trung phát triển công tác NCKH và hợp tác quốc tế.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Vai trò của NCKH và hợp tác quốc tế

Nhà nghiên cứu Phạm Thị Ly khẳng định: “Ba nhân tố chủ yếu có vai trò quyết định thành công trong việc xây dựng TĐH đẳng cấp quốc tế là: Tập trung tài năng, tài chính dồi dào, và cơ chế quản trị thuận lợi. Nói rộng hơn, ba nhân tố nguồn lực con người, nguồn lực tài chính, cơ chế hoạt động này có tương tác lẫn nhau, bù đắp hoặc triệt tiêu lẫn nhau, và không thể thiếu trong việc quyết định thành công của bất cứ TĐH nào” [3, tr 4]. Công tác hợp tác quốc tế và NCKH có vai trò quan trọng, tác động mạnh mẽ đến cả ba yếu tố trên.

Muốn phát triển nguồn nhân lực, các TĐH cần đẩy mạnh hoạt động NCKH và hợp tác quốc tế vì đây

chính là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy quá trình tự nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, giảng viên (GV). Hợp tác quốc tế và NCKH “có một vai trò rất quan trọng trong việc cung ứng nguồn lực con người cho các TĐH đỉnh cao này trong bước đầu thành lập. Ở đây bài học Trung Quốc (TQ) có một ý nghĩa rất thú vị. Để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách với những TĐH hàng đầu thế giới, TQ biết rằng con người có một vai trò to lớn và họ đã đầu tư những khoản tiền rất lớn để mua chất xám. Chính sách của họ là tuyển dụng nhân sự trên phạm vi toàn cầu và tăng cường quốc tế hóa: Họ không có đủ sức mạnh tài chính để lôi cuốn được những giáo sư đẳng cấp quốc tế với số lượng đủ lớn để đảm bảo cho hoạt động của một trường, thay vào đó, họ có chủ trương rất rõ ràng nhằm thu hút những trí thức Hoa kiều và những người TQ được đào tạo từ các nước phương Tây. Họ đã đạt được những thành công rất đáng kể: Trong khoảng từ năm 2000 đến 2005, số lượng công bố khoa học của các TĐH nghiên cứu hàng đầu trong danh mục SCI đã tăng gấp đôi. Đại học Thanh Hoa đã có khoảng 2700 bài báo được liệt kê trong danh mục SCI năm 2003, gần bằng con số của các trường hàng đầu thuộc top 50 của thế giới. Số GV có bằng tiến sĩ đã đạt đến 50% ở các TĐH nghiên cứu hàng đầu của TQ tính đến năm 2005 và được hy vọng sẽ đạt đến 75% trước năm 2010. Những trường này cam kết nâng cao số GV có bằng tiến sĩ từ các trường đại học đỉnh cao của TQ. Các nhà quản lý của Đại học Bắc Kinh ước lượng khoảng 40% cán bộ giảng dạy của họ được đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu là ở Mỹ” [3, tr 4].

Muốn tồn tại và phát triển bền vững, các TĐH

\* ThS. Trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh

\*\* ThS. Trường Đại học Sư phạm Huế

\*\*\* ThS. Phân hiệu Trường ĐH Nội vụ Hà Nội tại Quảng Nam

cần phải có nguồn tài chính đảm bảo và luôn chủ động được kinh phí trong tất cả các hoạt động. “Tuy nhiên, cần có một cái nhìn “động” về vấn đề nguồn lực tài chính. Tuy nguồn vốn ban đầu nhằm xây dựng cơ sở vật chất và tạo lập bộ máy nhân sự là rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn nữa là khả năng tạo ra nguồn lực tài chính bảo đảm cho các hoạt động của nhà trường trong trung hạn và dài hạn. Đại học nghiên cứu là thứ rất đắt đỏ và cần được sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà nước nhưng nó cũng được mong đợi là sẽ kiến tạo ra những tri thức khoa học và công nghệ mang lại nguồn tài chính cho nhà trường và cải thiện năng lực cạnh tranh của quốc gia. Đây là nơi hợp tác quốc tế bắt đầu có vai trò quan trọng” [3, tr 5]. Chính hợp tác quốc tế và NCKH sẽ nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của nhà trường, và năng lực ấy sẽ mang lại một nguồn tài chính to lớn thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Cơ chế quản trị là nhân tố cốt yếu, đóng vai trò quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của các TĐH. Cốt yếu nhất vì nó đóng vai trò liên kết nguồn lực con người và nguồn lực tài chính, nó có thể nhân lên hoặc triệt tiêu sức mạnh của cả nguồn lực con người lẫn nguồn lực tài chính. “Một ví dụ thành công trong tự nhiên trong việc hợp tác xây dựng thiết chế vận hành ngay từ đầu là sự hợp tác của Massachusetts Institute of Technology (MIT- Hoa Kỳ) và Viện Khoa học Công nghệ Kanpur của Ấn Độ. Sự hợp tác của MIT trong trường hợp này là do kêu gọi của Tổng thống Kenedy nhằm đáp ứng đề nghị hỗ trợ đào tạo kỹ thuật của Thủ tướng Ấn Nehru năm 1959. Viện Khoa học Công nghệ Kanpur sau này trở thành một trong những trường uy tín nhất của Ấn Độ. Thành công này có được trước hết là nhờ quyết tâm rất cao của nhà nước Ấn, thể hiện qua việc ủng hộ sự chủ động của nhà trường bằng cách đem lại cho họ một phạm vi quyền hạn rất rộng so với những quy định và chính sách đương thời. Hai là nhờ sự hợp tác đã đi đúng hướng: Thay vì đem nguyên cả mô hình quản trị và bộ máy nhân sự Hoa Kỳ đặt lên mảnh đất Ấn Độ, chương trình hợp tác này đã đặt trọng tâm vào việc xây dựng năng lực nội tại cho trường đối tác” [3, tr 7].

## 2.2. Giải pháp phát triển công tác NCKH

Theo tác giả Nguyễn Văn Cương: Những hạn chế của công tác này xuất phát từ những nguyên nhân sau: Hầu hết các GV có khả năng nghiên cứu đa phần là những người đã có thâm niên công tác, có học

hàm, học vị và cả thành tích nghiên cứu cũng như giảng dạy... Tuy vậy, họ thường là lãnh đạo, quản lý nên thời gian dành cho nghiên cứu không nhiều; GV phải giảng dạy nhiều nên thời gian dành cho NCKH ít đi; chất lượng và trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV còn thấp; định hướng NCKH nhưng chưa thật khoa học và rõ ràng; thù lao được trả chưa xứng với công sức bỏ ra; thiếu sự liên kết giữa các trường, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc có liên quan. Trên cơ sở những nguyên nhân đó, theo chúng tôi cần thực hiện các giải pháp sau:

- Trước hết phải đổi mới triệt để nhận thức về khoa học công nghệ và vai trò của nó. Trên cơ sở đó, xây dựng quy chế quy đổi giờ NCKH thành giờ giảng phù hợp, để GV yên tâm hơn khi nghiên cứu. Bên cạnh quy định không cho quy đổi giờ giảng thành giờ nghiên cứu là việc quy đổi giờ nghiên cứu thành giờ giảng sao cho xứng đáng với công sức của việc nghiên cứu, sẽ thu hút được GV tham gia nghiên cứu một cách tự nguyện và say mê.

- Xây dựng cơ chế và định mức giảng dạy của GV một cách phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác NCKH. Vì vậy, Bộ Giáo dục & Đào tạo nên xem xét giảm định mức giờ giảng đối với các giáo sư, phó giáo sư, để họ có nhiều thời gian hơn cho việc nghiên cứu vì họ chính là đối tượng có khả năng cao nhất trong công tác này.

- Việc tiếp xúc với công tác NCKH và môi trường học thuật chuyên nghiệp, chất lượng cao là vô cùng quan trọng đối với người làm công tác này vì vậy các TĐH nên tạo mọi điều kiện tốt nhất để cán bộ, GV có cơ hội tiếp xúc, tham gia những hoạt động nghiên cứu, hội thảo trong và ngoài nước.

- Muốn đạt kết quả cao trong công tác NCKH nhất thiết phải có định hướng rõ ràng nhằm đảm bảo nội dung, tiến độ và kết quả nghiên cứu đạt đúng yêu cầu, mục tiêu đặt ra nhằm phát huy tốt nhất vai trò, hiệu quả của nó trong thực tế.

- Các tổ chức, đơn vị có thẩm quyền, có liên quan trong công tác này phải nêu cao hơn nữa vai trò và trách nhiệm của mình bằng cách tích cực phối hợp, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện. Kết hợp chặt chẽ vai trò giữa TĐH với các viện nghiên cứu để sử dụng, phổ biến kết quả, kinh nghiệm nghiên cứu đến với cán bộ, GV của các TĐH trên địa bàn.

- Các TĐH nên thường xuyên phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học, tạo cơ hội cho GV cùng tiến hành các đề tài nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm

nhằm phát huy được thế mạnh của mỗi trường, đồng thời tránh sự trùng lặp, chông chéo về nội dung, hướng nghiên cứu, gây lãng phí cả thời gian, chất xám và tiền bạc... Bên cạnh đó cũng cần phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí và hành lang pháp lý cho người nghiên cứu chuyên tâm vào công việc của mình.

### 2.3. Giải pháp phát triển công tác hợp tác quốc tế

Do những đặc điểm và yêu cầu chuyên biệt mà công tác NCKH có quan hệ mật thiết với công tác hợp tác quốc tế. Bên cạnh việc tìm ra giải pháp phát triển NCKH là các giải pháp cho công tác hợp tác quốc tế. Trong điều kiện của một đất nước đang phát triển với nhiều hạn chế về kinh tế, khoa học, công nghệ như nước ta... thì hợp tác quốc tế trở thành nhu cầu bức thiết để chúng ta có thể từng bước bổ khuyết những hạn chế của mình.

Theo các nhà nghiên cứu, những tồn tại và yếu kém trong nhiều mặt dẫn đến khoảng cách về sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục của nước ta so với các nước trong khu vực và trên thế giới ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó là những tác động của mặt trái trong quá trình hội nhập và hợp tác quốc tế cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường đang làm gia tăng nhiều mối hiểm họa như: sự thâm nhập của đời sống quá thực dụng, lối sống thiếu lành mạnh, những nguy cơ băng hoại, xói mòn bản sắc văn hóa dân tộc, sự thâm nhập của các loại dịch vụ giáo dục kém chất lượng, không phù hợp với hoàn cảnh đất nước, truyền thống dân tộc, các tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng và phức tạp hơn. Để từng bước khắc phục những hạn chế nêu trên, nhất là trong công tác hợp tác quốc tế cần thực hiện các giải pháp sau:

- Chuẩn bị mọi điều kiện có thể về cơ sở vật chất và nhân lực để chủ động thiết lập, mở rộng quan hệ hữu nghị hợp tác, đa phương hóa các loại hình hợp tác, đẩy nhanh quá trình hội nhập khu vực và thế giới. Trên cơ sở đó đẩy mạnh hợp tác với các cường quốc trên thế giới về giáo dục đại học và NCKH như các quốc gia Bắc Mỹ, Liên minh Châu Âu, các nước Đông Bắc Á, và Đông Âu.

- Trước hết phải thành lập bộ phận chuyên trách cho công tác hợp tác quốc tế. Thường xuyên kiện toàn, củng cố và phát triển bộ máy, đội ngũ cán bộ cho bộ phận này. Bộ phận này phải tăng cường nghiên cứu, tổng kết, dự báo, tham mưu kịp thời cho lãnh đạo về công tác quan hệ quốc tế để kịp thời xây dựng kế hoạch, chiến lược quan hệ quốc tế phù hợp,

khoa học nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Bên cạnh đó cũng cần đổi mới và quyết liệt hơn trong công tác chỉ đạo hoạt động hợp tác quốc tế.

- Chủ động và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, đặc biệt phải thành lập và đầu tư đúng mức, khoa học cho bộ phận chuyên trách trong công tác hợp tác quốc tế làm cơ sở cho việc phát triển công tác này. Từng bước khẳng định và phát huy vai trò của mình tại các diễn đàn trong nước sau đó từng bước mở rộng ra quốc tế để từng bước xây dựng hình ảnh, uy tín một cách phù hợp với khả năng, điều kiện và lợi ích của mình.

- Từng bước tiến đến thương mại hóa dịch vụ giáo dục của mình trong môi trường hợp tác quốc tế vì xu thế chuyển trọng tâm sang lợi ích kinh tế và yêu cầu cạnh tranh quốc tế về giáo dục đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Điều này được thể hiện trong việc thể chế hóa thương mại dịch vụ giáo dục của Hiệp định chung về thương mại, dịch vụ (GATS). Theo đó, một thị trường giáo dục toàn cầu đã chính thức được hình thành.

### 3. Kết luận

Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và NCKH đồng nghĩa với việc mở cửa thị trường giáo dục. Mở cửa thị trường giáo dục đặt các TĐH ở Việt Nam trước những cơ hội và thách thức mới nhưng nếu mạnh mẽ bước qua được những thách thức trước mắt sẽ có cơ hội lớn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của mình và khẳng định uy tín không chỉ trong nước mà với đông đảo bạn bè trên toàn thế giới. Muốn làm được điều này, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp phát triển công tác NCKH và hợp tác quốc tế.

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thiện Nhân (2007), “*Phát triển nhanh việc đào tạo nhân lực có kỹ năng: Những sáng kiến của Việt Nam*”. Báo cáo tại Hội thảo Quốc tế “Toàn cầu hóa trong Giáo dục: Thử thách, cơ hội, và ý nghĩa đối với Việt Nam và các nước trong vùng”, SEAMEO, 14-8-2007.

2. Phạm Thị Ly (2008), “*Xây dựng một hệ thống quản trị đại học hiệu quả- Kinh nghiệm của Hoa Kỳ và khả năng vận dụng tại Việt Nam*”, Báo cáo tại Hội thảo Giáo dục Quốc tế và So sánh Lần thứ 53 tại Carolina, Hoa Kỳ, ngày 22-26 tháng 3 năm 2009.

3. Phạm Thị Ly (2009), “*Vai trò của hợp tác quốc tế trong xây dựng TĐH theo chuẩn mực quốc tế cho Việt Nam*”, Tạp chí Phát triển Khoa học Công nghệ Đại học Quốc gia TP HCM.